

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tiến Dũng.
2. Bà Trương Thị Khung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Chu Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Cầu Đ, xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Thôn Cầu Đ, xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Thôn S Đ, xã YV, huyện Hữu L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đặng Thị Thảo trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh và chị Trần Thị Ng đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì chung sống với bố mẹ anh Thắng tại thôn Cầu Đ, xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống thời gian

đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng khoảng đến năm 2009-2010 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng thời gian đó anh đã nộp đơn ly hôn tuy nhiên thời điểm đó chị Nguyệt đang mang thai nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng lại tiếp tục chung sống hòa thuận. Khoảng tháng 5/2019, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn về vấn đề nhỏ nhất trong cuộc sống trong lúc nóng giận anh có tát chị Nguyệt một cái, chị Nguyệt cầm mũ bảo hiểm đánh lại, hai người xảy ra xô xát nên chị Nguyệt đưa theo con là Phạm Đăng K bỏ về sinh sống tại thôn Sơn Đông, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng. Sau khi chị Nguyệt bỏ đi anh có gọi điện nhưng chị không về, đến nay đã gần 04 năm, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Đến khoảng tháng 4/2022 thì chị mang con về cho anh nuôi dưỡng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Ng.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc A sinh ngày 03/9/2009, cháu Phạm Bảo Nsinh ngày 22/01/2014 và cháu Phạm Đăng K sinh ngày 19/11/2019. Hiện cả 03 con đều đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Trần Thị Ng trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Phạm Văn Th đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại thôn Cầu Đ, xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn (chị không nhớ thời gian cụ thể), nguyên nhân do anh Thắng có tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã nói chuyện mong anh thay đổi nhưng không được. Người phụ nữ anh Thắng ngoại tình còn gọi điện chửi và thách thức chị. Ngoài ra, vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì nhưng đến đầu năm 2022 thì chị chuyển về thôn S Đ, xã YV, huyện Hữu L xây nhà và sinh sống ổn định tại đây, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Anh Thắng yêu cầu ly hôn, chị không nhất trí, chị rất thương các con nên không mong muốn gia đình tan vỡ, các con sẽ khổ. Chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, chị chấp nhận tha thứ cho anh Thắng để con cái có gia đình hạnh phúc.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc A sinh ngày 03/9/2009, cháu Phạm Bảo N sinh ngày 22/01/2014 và cháu Phạm Đăng K sinh ngày 19/11/2019. Hiện đều đang ở với anh Thắng, do chị không nhất trí ly hôn nên chị không có ý kiến gì về con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật; việc thu

thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Th được ly hôn với chị Trần Thị Ng; về con chung: anh Phạm Văn Th được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 03/9/2009; Phạm Bảo N, sinh ngày 22/01/2014; Phạm Đăng K, sinh ngày 19/11/2019 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Trần Thị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn Th được miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Thị Ng hiện đang sinh sống tại thôn S Đ, xã YV, huyện Hữu L, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn Th có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Ng đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các lời khai, tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2008, anh Phạm Văn Th và chị Trần Thị Ng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh Phạm Văn Th và chị Trần Thị Ng đã có những mâu thuẫn, anh Phạm Văn Th cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống nhưng anh chị không thể khắc phục được nên thậm trí còn xảy ra xô xát, còn chị Trần Thị Ng cho rằng anh Phạm Văn Th đã có tình cảm với người phụ nữ khác, không còn quan tâm, yêu thương chị, đầu năm 2022 chị đã chuyển về quê mẹ để sinh sống, làm việc ổn định tại đây. Xét thấy, mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau nhưng cuộc hôn nhân của anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh Thắng và chị Nguyệt không tìm cách khắc phục mâu thuẫn nên cuộc

sống chung không thể kéo dài, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Nay anh Phạm Văn Th yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Ng là có căn cứ quy định tại các Điều 19, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Phạm Văn Th và chị Trần Thị Ng có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc A sinh ngày 03/9/2009, cháu Phạm Bảo Nsinh ngày 22/01/2014 và cháu Phạm Đăng K sinh ngày 19/11/2019. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn Th trình bày có công việc, nhà cửa và thu nhập ổn định để chăm sóc con cái. Chị Trần Thị Ng trình bày do không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con và cũng không nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nên không có cơ sở để giao con cho chị Trần Thị Ng. Xét thấy, hiện anh Phạm Văn Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, anh Phạm Văn Th vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt đối với các con. Nguyên vọng của cháu Phạm Ngọc A và Phạm Bảo Nđều mong muốn được ở với bố. Do vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận cho anh Phạm Văn Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung là Phạm Đăng K, cháu Phạm Ngọc A và cháu Phạm Bảo Nđến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn Th không yêu cầu chị Trần Thị Ng cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn Th và chị Trần Thị Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Phạm Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên anh Phạm Văn Th đã có đơn xin miễn nộp án phí do thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Th được ly hôn với chị Trần Thị Ng.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Phạm Ngọc A sinh ngày 03/9/2009, cháu Phạm Bảo Nsinh ngày 22/01/2014 và cháu Phạm Đăng K sinh ngày 19/11/2019 cho anh Phạm Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Th không phải nộp tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THA dân sự huyện Hữu Lũng;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã An T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thảo Nguyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tiến Dũng Trương Thị Khung

Ngô Thảo Nguyên